

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HS-ST
Ngày 29 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Quy
Bà Cao Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuất Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. **Lò Thị V** (tên gọi khác: không), sinh năm 1992 tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKKHKT: bản Che Phai 1, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú: Tổ 2, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học V: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H, sinh năm 1945 và bà Bạc Thị P, sinh năm 1948; có chồng là Lò Văn T, sinh năm 1991 (đã ly hôn); có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2022; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu, (có mặt).

2. **Lò Văn Ch**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1999, tại tỉnh Lai Châu; nơi ĐKKHKT: bản Nặm Xôm, xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; Nơi tạm trú: Tổ 2, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học V: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn È, sinh năm 1979 và bà Hà Thị Liên, sinh năm 1979; Vợ, con: chưa có; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu, (có mặt).

- Những người làm chứng:

+ Anh Lê Văn S, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản Máy Đường, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1989; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản Thắm, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

+ Chị Lò Thị N, sinh năm 1986; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố L, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt).

+ Chị Quàng Thị M, sinh năm 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản Lọng Chuông, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, (vắng mặt).

+ Chị Mai Thị L, sinh năm 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn Làng Than, xã Ph, huyện V, tỉnh Yên Bái, (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 9, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1995; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: bản Thành Công, xã S, thành phố L, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18/3/2022, tại phòng 302, 303, 304 của khách sạn Hồng Ngọc thuộc tổ 2, phường Đoàn Kết, thành phố L; tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lai Châu phối hợp với Công an phường Đoàn Kết, thành phố L kiểm tra, xác minh, phát hiện bắt quả tang các đối tượng Lê Văn S (sinh năm 1983, trú tại bản Máy Đường, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu) đang mua dâm với Lò Thị N (sinh năm 1986, tạm trú tại Tổ 9, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu); Nguyễn Trung Đ (sinh năm 1989, trú tại: Tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu) đang mua dâm với Quàng Thị M (sinh năm 1996, trú tại: bản Lọng Chuông, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên); Nguyễn Văn Th (sinh năm 1985, trú tại bản Thảm, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu) đang mua dâm với Mai Thị L (sinh năm 1996, trú tại thôn Làng Than, xã Ph, huyện V, tỉnh Yên Bái).

Quá trình đấu tranh, làm việc với các đối tượng trên xác định liên quan đến việc mua bán dâm trên là do Lò Thị V, Lò Văn Ch (đều ở tổ 02, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu) đã cùng môi giới để cho các đối tượng S, Đ, Th mua dâm với N, M và L. Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lai Châu khám xét khẩn cấp nơi ở Lò Thị V, kết quả phát hiện thu giữ 01 quyển sổ V dùng để ghi chép việc môi giới mại dâm và 11 bao cao su. Kết quả điều tra và lời khai nhận tội của các bị cáo xác định hành vi phạm tội của các bị cáo Lò Thị V, Lò Văn Ch như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2022, N, M và L đến quán cà phê của V (ở tổ 2, phường Q, thành phố L) để xin làm gái bán dâm và bung bê cà phê, V đồng ý. Hai bên thỏa thuận, V bao ăn ở còn mỗi lần bán dâm (đi tàu nhanh) sẽ thu của khách số tiền 300.000 đồng, nếu đi qua đêm sẽ thu 1.000.000 đồng, tiền bán dâm sẽ chia đôi (V hưởng một nửa và người bán dâm một nửa). Do không có khách, ngày 16/3/2022, Lưỡng đã chuyển đến làm bung bê tại quán cà phê Nậm Lông do chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1975, trú tại Tổ 9, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu) làm chủ quán.

Khoảng 21 giờ ngày 18/3/2022, S điện thoại cho V thì Ch nghe máy. S nói với Ch đang có nhu cầu gọi 03 gái bán dâm đến khách sạn Hồng Ngọc. Sau đó Ch nói lại cho V biết, V nói hiện nhà chỉ có 02 gái nên bảo Ch điện thoại cho chị H để mượn thêm L về bung cà phê, H đồng ý. Sau đó Ch lại thông báo cho V biết, V bảo Ch điện thoại cho khách thỏa thuận giá 01 gái bán dâm là 300.000 đồng/ 01 gái bán dâm/ 01 lần quan hệ (đi tàu nhanh). Ch liền điện thoại cho S thỏa thuận giá cả trên, S đồng ý.

Còn V thì thỏa thuận với N, M việc đi bán dâm, N và M đều đồng ý. Sau đó Ch đến đón L và nói cho L biết về việc đi bán dâm, L đồng ý. Ch lấy xe máy chở N, M đến quán cà phê của chị H và đón L, rồi cả 04 người cùng đi đến khách sạn Hồng Ngọc. Tại phòng 302 của khách sạn Ch gặp S và đưa cho S số tài khoản ngân hàng 8905205137203 của V, Sơn liền chuyển khoản tiền 900.000 đồng cho V. Sau đó S và N đi vào phòng 302, M và Đ đi vào phòng 303, Th và L đi vào phòng 304. Trong lúc S và N, M và Đ, Th và L đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an tỉnh Lai Châu kiểm tra, phát hiện và lập biên bản.

Cáo trạng số 48/CT-VKSTP ngày 25/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Lò Thị V, Lò Văn Ch về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Những người làm chứng vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra, truy tố đều có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Lò Thị V, Lò Văn Ch, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lò Thị V, Lò Văn Ch phạm tội “Môi giới mại dâm”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Thị V, Lò Văn Ch từ 03 năm đến 04 năm tù. Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy bao gồm: 11 bao cao su chưa qua sử dụng, 03 vỏ bao cao su có chữ Good condom romax; 04 gói nilon màu xanh nghi là bao cao su; 01 vỏ nilon màu xanh; 03 bao cao su đã qua sử dụng, 01 sim điện thoại số 0865.594.059; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 900.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu xanh đen; Tịch thu lưu theo hồ sơ 01 quyển số A4 có bìa màu đen.

Về án phí: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về Cáo trạng, các quyết định, kết luận tố tụng có trong hồ sơ vụ án.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và tự cải tạo bản thân thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lò Thị V, Lò Văn Ch đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với Biên bản vi phạm hành chính, lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích tư lợi, khoảng 21 giờ ngày 18/3/2022, Lò Thị V và Lò Văn Ch đã có hành vi giao dịch, làm trung gian dẫn dắt để cho Lò Thị N thực hiện hành vi bán dâm cho Lê Văn S, Quàng Thị M thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Trung Đ, Mai Thị L thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Văn Th tại khách sạn Hồng Ngọc ở tổ 02, phường Đoàn Kết, thành phố L, thu được tổng số tiền 900.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân nhiệm, vai trò thực hiện hành vi phạm tội một cách rõ ràng mà các bị cáo đều là người thực hành tích cực hành vi phạm tội.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lò Thị V, Lò Văn Ch là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đến đạo đức xã hội, truyền thống và thuần phong mỹ tục của dân tộc, đến nếp sống lành mạnh, văn minh, đời sống văn hóa, trật tự trị an xã hội. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi làm trung gian dẫn dắt để 03 người khác thực hiện hành vi bán dâm và mục đích để hưởng lợi, ăn chia phần trăm trên số tiền bán dâm thu được của gái bán dâm. Vì vậy có đủ căn cứ xác định, hành vi nêu trên của các bị cáo Lò Thị V và Lò Văn Ch đã phạm vào tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

....

đ) Đối với 02 người trở lên;

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Do vậy, cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Lò Thị V là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc; bị cáo Lò Văn Ch thuộc hộ cận nghèo theo giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo số 48/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp đủ để các bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

- Hình phạt bổ sung: xét thấy, các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hơn nữa các bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 pro màu xanh đen tạm giữ của Nguyễn Trung Đ và 01 điện thoại itel, màu xanh đen tạm giữ của Lê Văn S. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố L đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Lê Văn S, Nguyễn Trung Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với 11 bao cao su chưa qua sử dụng, 03 vỏ bao cao su có chữ Good condom romax; 04 gói nilon màu xanh nghi là bao cao su; 01 vỏ nilon màu xanh; 03 bao cao su đã qua sử dụng, 01 sim điện thoại số 0865.594.059: đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền 900.000 đồng thu của Lò Thị V là khoản thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu xanh đen thu giữ của Lò Văn Ch là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 quyển sổ A4 có bìa màu đen, có 09 trang giấy đã viết, xét thấy trong 09 trang giấy đã viết bên trong quyển sổ có 03 trang ghi nội dung liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu và lưu theo hồ sơ vụ án là đảm bảo quy định của pháp luật.

[6] Những vấn đề liên quan vụ án:

- Đối với quản lý khách sạn Hồng Ngọc là ông Trần Văn H: Kết quả điều tra xác định, khi cho khách là ông Lê Văn S, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Văn Th đến thuê phòng nghỉ của khách sạn nhưng H không biết việc các vị khách trên có hành vi mua dâm với Mai Thị L, Lò Thị N, Quàng Thị M. Do đó hành vi của H không cấu thành tội phạm.

- Đối với việc Lò Văn Ch khai có sử dụng chiếc xe máy chở Lò Thị N, Mai Thị L và Quàng Thị M đi để bán dâm. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là do Ch mượn của một người đàn ông tên S1, Ch không nói cho S1 biết việc lấy xe chở người bán dâm. Sau khi phạm tội, Ch đã trả lại xe máy cho S1. Do đó không đề cập xử lý.

- Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn Th, Nguyễn Trung Đ, Lê Văn S, kết quả điều tra xác định: Quàng Thị M, Mai Thị L, Lò Thị N đều trên 18 tuổi nên hành vi

mua dâm của Th, Đ, S không cấu thành tội phạm. Ngày 15/8/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Th, Đ, S về hành vi mua dâm là đúng quy định.

- Đối với hành vi bán dâm của Quàng Thị M, Mai Thị L, Lò Thị N không cấu thành tội phạm nên ngày 15/8/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

- Theo lời khai của V, Ch: khi Ch gọi điện cho Nguyễn Thị H để mượn Mai Thị L, Ch nói với H rằng Ch mượn L để đi bung bê cà phê, H không biết việc Ch mượn L để đi bán dâm. Do đó không đề cập xử lý đối với H.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo bị buộc tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên kết quả điều tra xác định: Bị cáo Lò Thị V, Lò Văn Ch là người dân tộc thiểu số, bị cáo V sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Ch thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy đủ điều kiện để miễn tiền án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Thị V và Lò Văn Ch phạm tội “Môi giới mại dâm”.

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lò Thị V 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn Ch 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở chấp hành án.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 11 bao cao su chưa qua sử dụng, 03 vỏ bao cao su có chữ Good condom romax; 04 gói nilon màu xanh nghi là bao cao su; 01 vỏ nilon màu xanh; 03 bao cao su đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại số 0865.594.059.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu xanh đen.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

- Tịch thu, lưu theo hồ sơ đối với: 01 quyển sổ A4 có bìa màu đen, có 09 trang giấy đã viết chữ.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 26/8/2022 giữa Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu).

[4] Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố L;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Xử phạt bị cáo Lò Thị V
.....Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi vào cơ sở chấp hành án.
Xử phạt bị cáo Lò Văn Ch
.....Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi vào cơ sở chấp hành án.